TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2017/DS-PT
Ngày: 15/9/2017
V/v: *"Tranh chấp quyền đối với tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và ông Nguyễn Văn Nhàng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hồng Hà. Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2017/TLPT-DS ngày 12/7/2017 về việc "Tranh chấp quyền đối với tài sản".

Do bản án sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 127/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X.

Địa chỉ: đường H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị M. Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ: đường V, phường L, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê C.

Địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk (Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 8 năm 2017)

2/ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L.

Địa chỉ: phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Ngọc T.

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Văn bản ủy quyền ngày 13/10/2016.

Tất cả các đương sự đều có mặt.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị T.

Địa chỉ: Phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ thì nội dung vụ án như sau:

Quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X (Sau đây viết tắt là Công ty X), được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Đak Lak giao làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1005/QĐ-UB ngày 08/6/1998, Công ty đã triển khai bán 34,5 quầy tại chợ B để thu hồi vốn trả nợ cho Quỹ quốc gia, (nay là Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Đ).

Ông Nguyễn Văn L được quyền sử dụng ½ quầy số 45 theo hợp đồng kinh tế số 0045 do công ty ký kết với ông L vào ngày 07/02/2013. Khi công ty ngăn đôi quầy số 45, có diện tích 1m x 3m để bàn giao ½ quầy số 45 còn lại (quầy số 45 A1) cho người mua thì ông Nguyễn Văn L ngang nhiên cản trở không cho Công ty thực hiện. Việc ông L chiếm dụng cả quầy 45 là trái phép vì ông Nguyễn Văn L chỉ được quyền sử dụng ½ quầy số 45. Kể từ năm 2000 cho đến nay không có đơn vị pháp lý nào cấp hay bán ½ quầy số 45 còn lại tại chợ nhà lồng thị xã B cho ông L, tuy nhiên ông L vẫn chiếm dụng kinh doanh trong suốt thời gian đó.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L phải trả lại cho Công ty X ½ quầy số 45 còn lại.

***Bị đơn và người đại diện trình bày*:** Năm 1991 bà Nguyễn Thị T (là mẹ vợ của ông L) và ông Trần Trung N (là con rể của bà T) có mua 3 quầy số 8, 9,10, trong đó mỗi người sử dụng 1,5 quầy (quẫy rưỡi) tại chợ B. Đến năm 1998 thì chuyển về chợ mới (do chợ cũ bị cháy), mẹ vợ ông L đã làm đơn xin đăng ký sạp, được ban quản lý chợ chỉ lô mới xây dựng là 20, 45, 46. Sau đó, bà T và anh N không sử dụng mà sang nhượng lại cho ông Nguyễn Văn L 2 quầy số 45, 46, còn quầy số 20, bà T đã sang nhượng lại cho người khác. Ngày 10/4/1999, ông L được chia trước cho 01 quầy để kinh doanh. Đến ngày 13/4/1999 ông L làm hợp đồng số 263 (chưa xác định quầy số bao nhiêu), trong quá trình xin xác nhận mới ghi vào hợp đồng quầy số 46, trong khi đó trong sổ của ban quản lý chợ ghi quầy số 45. Từ tháng 01/2000, ông L làm giấy cho thuê quầy số 45 và 46 cho đến nay.

Căn cứ vào biên bản làm việc ngày 11/01/2016 của cơ quan Thanh tra thị xã B đã xác định: Sau khi xem xét và đối chiếu với các chứng từ, sổ sách có liên quan cũng như ý kiến của các thành viên trong cuộc họp, thống nhất công nhận cho bà T đã đóng số tiền mua 1 quầy rưỡi, đã được công nhận 1 quầy, còn lại ½

quầy chưa công nhận nay đề nghị cơ quan có thẩm quyền công nhận cho bà để bà đóng tiền xây dựng theo quy định. Từ kết luận của Thanh tra ngày 29/6/2015, tại công văn số 932/UBND-VP về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L đã có yêu cầu chỉ đạo Công ty X có trách nhiệm xem xét, công nhận quầy sạp cho ông Nguyễn Văn L để không làm vỡ quy hoạch chi tiết của dự án trung tâm chợ thị xã B và đảm bảo được đúng quy định về quyền sử dụng đất.

Ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của ông Nguyễn Văn L.

Lời khai của những người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1991, bà và ông Trần Trung N đã thuê 3 quầy số 8, 9, 10, trong đó mỗi người sử dụng 1,5 quầy. Đến năm 1994, chợ bị cháy. Năm 1998, chợ mới được xây dựng lại, bà T và ông N được nhận 3 quầy mới tương ứng số 20, 45, 46. Quầy số 20 đã được bà sang nhượng lại cho người khác. Còn ½ quầy số 45, bà T đã sang nhượng cho vợ chồng con gái bà là bà T1, ông L.

Quá trình sử dụng, bà đã đóng tiền đầy đủ để được cấp quyền sở hữu đối với ba quầy trên. Tuy nhiên, các biên lai đóng tiền tại thời điểm đó thất lạc nên bà T không còn lưu giữ. Đối với tranh chấp giữa Công ty X và ông L, bà không có ý kiến gì. Vì ½ quầy số 45 bà T sang nhượng lại cho ông L nên bà không liên quan.

Ông Trần Trung N trình bày: Năm 1991, ông Trần Trung N và bà T đã thuê 3 quầy số 8, 9, 10 trong đó mỗi người sử dụng 1,5 quầy. Đến năm 1994 chợ bị cháy, năm 1998 chợ mới được xây dựng lại, bà và ông N được nhận 3 quầy mới tương ứng là 20,45,46. Trong đó, ông N đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà T, ông L 1,5 quầy. Việc sang nhượng có các giấy tờ đầy đủ. Đối với tranh chấp giữa công ty X và ông L, ông N không có ý kiến gì.

Ông Quảng Đình L trình bày: Năm 1994, ông L làm trưởng ban quản lý chợ B. Năm 1995, chợ B bị cháy, theo chủ trương của huyện K (nay là thị xã B) chia lại quầy sạp tại khu vực chợ tạm cho tất cả các hộ kinh doanh trong chợ cháy không cần kiểm tra giấy tờ quầy sạp nhằm ổn định tình hình, khắc phục hậu quả sau khi cháy chợ. Khi đó, bà Nguyễn Thị T và anh N có khai báo với ban quản lý chợ là có 3 quầy kinh doanh quần áo, vải sợi. Hai hộ này có 3 quầy kinh doanh liên kết sát nhau. Trong thời gian chờ xây dựng chợ mới, ban quản lý chợ đã kiểm tra, rà soát đối chiếu các chứng từ giấy tờ của tất cả các hộ kinh doanh trong khu chợ đã kiểm tra, rà soát đối chiếu các hộ có quầy sạp tại chợ mới chợ B hiện nay. Kể từ năm 2000, các hộ kinh doanh được chuyển về chợ

mới, ban quản lý chợ đã sắp xếp lại, phân chia lô quầy sạp cho tất cả các hộ kinh doanh buôn bán. Đối với trường hợp hộ bà T và anh N có 3 quầy, trong quá trình sang nhượng cho ông L, qua đối chiếu giấy tờ không chứng minh được nửa quầy trong 3 quầy. Đến năm 2000, ông L không còn công tác tại ban quản lý chợ nên sự việc sau này thế nào ông L không nắm được.

Bà Tạ Thị H trình bày: Bà kinh doanh từ năm 1993, đến khi chợ B bị cháy, bà được phân lô tại chợ tạm, sau đó đến năm 2000 được phân lô tại chợ nhà lồng thị xã B, lô của bà hiện tại là lô số 44, cạnh lô 45 là lô ông L. Việc phân lô tại chợ tạm ở sân vận động trong lúc chờ đợi chợ mới được xây dựng thì không có lập hợp đồng. Việc bà T có ½ quầy số 45 và ủy quyền lại cho ông L sử dụng hay không thì bà H không biết.

Bà Hoàng Thị L trình bày: Bà kinh doanh từ năm 1991. Khi đó, bà L cũng biết bà T có 02 quầy sạp tại chợ cũ B, đến khi chợ B bị cháy, bà được phân lô tại chợ tạm, sau đó sau đó đến cuối năm 1999 được phân lô tại chợ nhà lồng thị xã B. Việc phân lô tại chợ tạm ở sân vận động trong lúc chờ chợ mới được xây dựng có lập hợp đồng hay không thì bà không nhớ.

Bà Trần Thị T trình bày: Quầy sạp tại chợ cũ B của bà nằm đối diện với quầy sạp của bà T. Số thứ tự quầy thì bà không nhớ, bà chỉ biết là bà T có 03 quầy. Đến năm 2009, bà sang nhượng lại các quầy sạp trong chợ B cho người khác. Về tranh chấp ½ quầy số 45 giữa Công ty X và ông L, bà không biết gì.

Tại bản án sơ thẩm số 03/2017/DSST ngày 02/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng các Điều 182, 183 Bộ luật dân sự

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV X về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Văn L phải trả lại ½ quầy số 45 còn lại diện tích 3m2 (chiều dài 3m, chiều rộng 1m) tại chợ nhà lồng thị xã B, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp quầy số 57, cạnh dài 1m

Phía Tây giáp đường đi trong chợ cạnh dài 1m

Phía Nam giáp ½ quầy số 0045 của ông Nguyễn Văn L, cạnh dài 3m

Phía Bắc giáp quầy số 44 của bà Tạ Thị H, cạnh dài 3m

Kết cấu: Móng xây đá học, tường xây gạch 10, khung chịu lực, trần đổ bê tông.

Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm đóng các khoản thu và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để hợp pháp quyền sử dụng ½ quầy số 45 còn lại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên tiền chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/6/2017, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm với nội dung: giữa bị đơn và Công ty TNHH Một thành viên X chỉ ký hợp đồng mua bán quầy 46A1, và có hợp đồng mua bán ½ quầy 45A1 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại ½ quầy 45A1 của nguyên đơn là không có căn cứ

Ngày 14/6/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ ban hành quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-DS, kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: Theo Hợp đồng kinh tế số 0045 ngày 07/02/2013 giữa Công ty X với ông Nguyễn Văn L thì Công ty chỉ bán cho ông L ½ quầy sạp số 45. Việc ông L tự ý sử dụng ½ quầy 45 còn lại là không có căn cứ, là hành vi chiếm giữ trái phép tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án Dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk phát biểu quan điểm khẳng định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: giữ nguyên quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-DS ngày 14/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X, (Sau đây viết tắt là Công ty X), được chuyển đổi từ Công ty thương mại huyện K, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đak Lak giao làm chủ đầu tư công trình chợ thị trấn K (nay là chợ thị xã B), theo Quyết định số 1005/QĐ-UB ngày 08 tháng 6 năm 1998 (BL 07). Tại Công văn số 8048/UBND-TCTM ngày 08/11/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Đak Lak giao Công ty X xây dựng phương án bán các quầy sạp tại chợ B để thu tiền trả

nợ vốn vay đầu tư xây dựng chợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Đ). Ủy ban nhân dân thị xã B có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận quầy sạp cho các hộ tiểu thương mua quầy sạp tại chợ B sau khi đã thanh toán đủ tiền mua quầy sạp (BL 12). Như vậy, theo quy định thì sau khi hộ tiểu thương đã thanh toán đủ tiền mua quầy sạp, có xác nhận của Công ty X thì hộ tiểu thương sẽ được cấp Giấy chứng nhận sử dụng quầy sạp.

Công ty X cung cấp 02 Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty X và ông Nguyễn Văn L. Hợp đồng kinh tế số 263 HĐ ngày 13/4/1999 với nội dung: bên A (Công ty X) bán cho bên B (ông Nguyễn Văn L) quầy số 46 (BL 20), và Hợp đồng kinh tế số 0045 HĐ ngày 07/02/2013 với nội dung: bên A (Công ty X) bán cho bên B (ông Nguyễn Văn L) 0,5 quầy 45 sát liền kề quầy 46 (BL 32). Cả hai Hợp đồng kinh tế đều nêu rõ: Giá được quy định cho các chủ hộ có giấy tờ hợp pháp trước đây được mua theo giá chỉ tính tiền xây dựng là 25.000.000đ/ 01 quầy. Ngày 28/01/2015, Công ty X cấp 02 Giấy xác nhận số 98/GXN-CT và Giấy xác nhận số 126/GXN-CT cho ông Nguyễn Văn L với nội dung: ông Nguyễn Văn L có số quầy 46 và nửa quầy 45, đã nộp đủ tiền xây dựng chợ, đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã B cấp Giấy chứng nhận sử dụng quầy sạp cho ông Nguyễn Văn L (BL 22, 35).

Theo 02 hợp đồng kinh tế và 02 Giấy xác nhận mà Công ty X cung cấp thì ông Nguyễn Văn L chỉ mới ký hợp đồng mua 1,5 quầy sạp, gồm quầy sạp số 46 và ½ quầy sạp số 45, và đã nộp tiền mua 1,5 quầy sạp nêu trên.

Ông Nguyễn Văn L cho rằng, trước khi chợ B bị cháy, bà Nguyễn Thị T có 1,5 quầy sạp: gồm quầy số 10 và ½ quầy số 9; ông Trần Trung N có 1,5 quầy sạp, gồm quầy số 8 và ½ quầy số 9. Sau khi chuyển về chợ mới, bà T và ông N được bố trí 03 quầy là quầy 20, quầy 45 và quầy 46. Trong đó, bà N đã sang nhượng quầy số 20 cho người khác. Sau đó, bà T và ông N sang nhượng quầy 45 và quầy 46 cho ông L. Tuy nhiên, cơ sở pháp lý để được sử dụng quầy sạp là Giấy chứng nhận sử dụng quầy sạp do Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã B cấp sau khi hộ tiểu thương ký hợp đồng và nộp đủ tiền mua quầy sạp. Trong trường hợp ông L có đầy đủ giấy tờ chứng minh việc bà T, ông N đã nộp đủ tiền mua 03 quầy sạp tại chợ cũ, thì ông L sẽ được xem xét mua quầy sạp tại chợ mới B theo giá tiền xây dựng chợ.

Ông Nguyễn Văn L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, sau khi UBND tỉnh Đak Lak giao cho Công ty X làm chủ đầu tư chợ thị xã B, thì ông đã mua toàn bộ quầy sạp số 45. Đây là tài sản thuộc sở hữu của Nhà nước, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng quá trình ông L chiếm hữu ½ quầy số 45 còn lại từ năm 2000 đến nay là chiếm hữu liên tục, ngay tình, công khai theo quy định tại Điều 182 và Điều 183 Bộ luật dân sự năm 2005 là không đúng,

mà là hành vi chiếm giữ trái phép tài sản. Mặt khác, bản án sơ thẩm tuyên "*Ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm đóng các khoản thu và liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để hợp pháp quyền sử dụng ½ quầy số 45 còn lại"* là mâu thuẫn, bởi nếu ông L đã được công nhận quyền sử dụng quầy sạp thì ông L không có trách nhiệm đóng các khoản thu cho cơ quan có thẩm quyền.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải giao trả ½ quầy sạp số 45 tại chợ B cho nguyên đơn.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 169, Điều 255 và Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐKNPT-DS ngày 14/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ và kháng cáo của nguyên đơn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2017/DS-ST ngày 02/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X

Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả lại ½ quầy sạp số 45 tại chợ nhà lồng thị xã B cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X, quầy sạp có diện tích 3m^2 (rộng 01m x dài 03m), vị trí tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp quầy số 57, cạnh dài 1m;

Hướng Tây giáp đường đi trong chợ, cạnh dài 1m;

Hướng Nam giáp ½ quầy số 45 còn lại của ông L, cạnh dài 3m;

Hướng Bắc giáp quầy số 44 của bà Tạ Thị H, cạnh dài 3m.

Sạp có kết cấu: Móng xây đá hộc, tường xây gạch 10, khung chịu lực, trần đổ bê tông.

2. Về án phí, lệ phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 7.500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm và 450.000đ lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ thu được được trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X.

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên X 2.500.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 39764 ngày 10/10/2016 và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 3782 ngày 06/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường